TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 08/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hải

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án TAND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Cao Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang H, sinh ngày 19/5/1988 tại xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang Qu, sinh năm 1955 và bà Hà Thị Gi, sinh năm 1955; có vợ : Phạm Thị H, sinh năm 1988, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019. Có mặt.

2. Lê Đình Đ, sinh ngày 30/8/1995 tại xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 2, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Lê Đình T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; có vợ là Bàn Thị X, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Có mặt.

3. Nguyễn Đăng 1, sinh ngày 22/01/1997 tạ tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 2, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1968 và bà

Hà Thị H; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến 15/01/2019; có mặt.

4. Lê Quang 2, sinh ngày 10/7/1988 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang K (đã chết) và bà Hà Thị Kh, sinh năm 1950; bị cáo chưa có vợ con; gia đình có 04 chị em, là con thứ 4; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019. Có mặt.

5. Lê Quang 3, sinh ngày 03/7/1991 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang Hg, sinh năm 1970 và Vũ Thị L, sinh năm 1973, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019. Có mặt.

6. Hà Mạnh 4, sinh ngày 15/7/1985 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Mạnh Nh, sinh năm 1956 và bà Hà Thị Tr, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019; có mặt.

7. Nguyễn Thế 5, sinh ngày 21/9/1988 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 2, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1957 và bà Hà Thị L, sinh năm 1958; có vợ là Hà Thị H, sinh năm 1987, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019. Có mặt.

8. Hà Văn 6, sinh ngày 15/7/1974 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3 Trinh Nga, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H (đã chết) và bà Lê Thị Ch, sinh năm 1940; có vợ là Lê Thị Ấ, sinh năm 1973, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: không, tiền án: ngày 30/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 tháng tù về tội "Đánh bạc", 12 tháng tù về tội "Gá bạc". Trong khi án chưa có hiệu lực pháp luật, ngày 19/01/2016 bị cáo lại tiếp tục phạm tội "Đánh bạc" và ngày 15/4/2016 bị Tòa án H xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hình phạt của 02 bản án là 21 tháng tù. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến nay. Có mặt.

9. Nguyễn Văn7, sinh ngày 27/6/1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr,

huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lê Thị D, sinh năm 1968; chưa có vợ con, gia đình có 02 chị em,bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019; Có mặt.

10. Lê Quang8, sinh ngày 02/8/1992 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Quang L (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1962, bị cáo chưa có vợ con; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến 15/01/2019; có mặt.

11. Lê Quang 9, sinh ngày 20/12/1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T (đã chết) và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1961; có vợ là Lê Thị O, sinh năm 1986, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 09/01/2019 , Hà Mạnh 4, Hà Văn 6, Lê Quang 9 đến nhà Lê Quang H chơi và cùng rủ nhau đánh bạc, hình thức "ba cây cầm chương", trống cửa 50.000 đồng, Huấn đồng ý cho mọi người chơi tại nhà mình, đi mua bài, trải chiếu và cùng tham gia đánh bạc. Đến 10 giờ, Lê Quang 2 đến và cùng tham gia đánh bạc, 11 giờ, 9 hết tiền nên về, có Nguyễn Đăng 1, Lê Đình Đ, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7 đến ngồi xem đến 12 giờ thì vào cùng tham gia đánh bạc và mọi người nâng mức cược lên 100.000 đồng, H hết tiền ra ngoài ngồi xem và thu tiền chiếu. Đến 14 giờ 30 phút Nguyễn Thế 5 đến tham gia đánh bạc, 7 hết tiền ra ngoài ngồi xem. Trong quá trình đánh bạc, mỗi ván gà cắt ra cho H 100.000 đồng tiền chiếu, H thu được 700.000 đồng. Trong khi 1,2,3,4,5,6, 8 và 7 tiếp tục đánh bạc dưới hình thức "ba cây cầm chương" đến 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện H bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc gồm: 36 cây bài tú lơ khơ, 01 chiếu nan bằng tre và 43.000.000 đồng (bốn mươi ba nghìn đồng), trong đó gồm cả 700.000 đồng là tiền H thu tiền chiếu. Hiện số vật chứng trên đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc: Lê Quang H là 2.100.000 đồng để đánh bạc và thu được 700.000 đồng tiền chiếu; Lê Đình Đ đánh bạc với số tiền là 7.000.000 đồng; Lê Quang 2 đánh bạc với số tiền 5.000.000 đồng; Nguyễn Đăng 1 đánh bạc với số tiền 5.000.000 đồng; Lê Quang 3 đánh bạc với số tiền 4.500.000 đồng; Hà Mạnh 4 đánh bạc với số tiền 4.300.000 đồng; Nguyễn Thế 5 đánh bạc với số tiền 2.700.000 đồng; Hà

Văn 6 đánh bạc với số tiền 1.7000.000 đồng; Lê Quang 8 đánh bạc với số tiền: 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn 7 đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng; Lê Quang 9 đánh bạc với số tiền: 700.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKSHH ngày 17/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Quang H về tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 322 và tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS; các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Lê Quang 3, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Hà Văn 6, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7 và Lê Quang 9 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang H từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Gá bạc", 12 đến 18 tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội là từ 27 đến 36 tháng tù.

Phạt bổ sung bằng tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt:

Bị cáo Lê Đình Đ từ 24 tháng đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị cáo Lê Quang 2 và Nguyễn Đăng 1 mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị cáo Hà Mạnh 3 từ 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị cáo Nguyễn Thế 4 từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị cáo Lê Quang 8 và Nguyễn Văn 7 mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Phạt bổ sung bằng tiền đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng – 20.000.000 đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang 9 từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang 3 từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đề nghị khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn 6 từ 12 - 15 tháng tù.

Đối với các bị cáo Lê Quang 9, Lê Quang 3 và Hà Văn 6 có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếu nan tre; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 43.000.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội; toàn bộ số vật chứng này đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, tất cả các bị cáo đều có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo Lê Quang H, Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 9, Lê Quang 3, Hà Văn 6 là người có năng lực hành vi dân sự, thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức "Ba cây cầm chương" với số tiền đánh bạc là 43.000.000 đồng. Ngoài hành vi đánh bạc, bị cáo Lê Quang H còn cho các bị cáo khác chơi đánh bạc tại nhà mình, chuẩn bị bài, chiếu và thu tiền chiếu là 700.000 đồng để cho các bị cáo khác đánh bạc với số tiền đánh bạc 43.000.000 đồng. Vì vậy hành vi của bị cáo Lê Quang H đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội "Gá bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Ngay từ khi bắt đầu thực hiện hành vi đánh bạc, các bị cáo Hà Mạnh 4, Hà Văn 6, Lê Quang 9 và Lê Quang H đã đánh bạc với số tiền trên 5.000.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Vì vậy hành vi của các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 9, Lê Quang 3, Hà Văn 6 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của

Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Đây là vụ án đánh bạc có số đông bị cáo tham gia, số tiền phạm tội lớn, gây mất trật tự trị an trong khu vực. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 30/12/2015, bị cáo Hà Văn 6 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc", 12 tháng tù về tội "Gá bạc". Khi bản án chưa có hiệu lực, ngày 19/01/2016, bị cáo 6 tiếp tục phạm tội "Đánh bạc" và ngày 15/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 06 tháng tù, không áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm". Ở lần phạm tội này, bị cáo 6 phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo 6 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo khác không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trừ bị cáo Hà Văn 6 và bị cáo Lê Quang H, các bị cáo còn lại đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Lê Quang 3 đã lập công chuộc tội, có giấy xác nhận đã "tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm" của Công an huyện H nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Hà Văn 6 có mẹ là Lê Thị Ch có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ, được tặng giấy khen; bố bị cáo Hà Mạnh 4 là ông Hà Mạnh Nh là bệnh binh tỷ lệ 61%; bố bị cáo Lê Quang 2 là ông Lê Quang K được tặng tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy các bị cáo Hà Văn 6, Hà Mạnh 4 và Lê Quang 2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, đối với hành vi phạm tội "Đánh bạc", các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân hóa vai trò, tuy nhiên cũng phải phân hóa vai trò đối với từng bị cáo để đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo Lê Đình Đ tham giá đánh bạc với số tiền đánh bạc nhiều nhất nên phải chịu mức hình phạt cao tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Bị cáo Lê Quang H đã tích cực đi mua bài, chải chiếu để cùng các bị cáo đánh bạc, chỉ khi hết tiền mới dừng lại, vì vậy bị cáo giữ vai trò tiếp theo của vụ án.

Các bị cáo Lê Quang 2 và Nguyễn Đăng 1 phạm tội với số tiền lớn tương đương nhau, tham gia đánh bạc sau chịu mức hình phạt tương đương, tiếp theo là bị cáo Hà Mạnh 4.

Bị cáo Hà Văn 6 phạm tội từ đầu cho tới khi bị bắt, mặc dù đánh bạc với số tiền không lớn nhưng cũng phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức ren đe giáo dục. Nguyễn Thế 5 vào đánh bạc sau cùng, thời gian tham gia ít nhưng có số tiền đánh bạc nhiều hơn Thọ, vì vậy phải chịu mức hình phạt tương đương.

Tiếp theo là bị cáo Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7 đều vào đánh bạc sau, số tiền phạm tội không lớn nên chịu mức hình phạt ngang nhau.

Bị cáo Lê Quang 3 vào sau nên thời gian tham gia ít và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét khi đưa ra mức hình phạt phù hợp với bị cáo.

Bị cáo Lê Quang 9 tham gia đánh bạc từ đầu, bỏ về trước và có số tiền phạm tội ít nên cần căn cứ trên cơ sở các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đánh giá khi quyết định hình phạt.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, vì động cơ vụ lợi các bị cáo đã sát phạt lẫn nhau, đây là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến kinh tế và mâu thuẫn gia đình. Tội phạm được thực hiện với số tiền phạm tội lớn và đông bị cáo tham gia, vì vậy cần phải đưa ra cho các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

Khi xem xét đánh giá toàn diện tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, trên cơ sở cần nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 3 và Lê Quang 9 trước khi phạm tội lần này đều chưa có hành vi vi phạm pháp luật, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Vì vậy Hội đồng xét xử cân nhắc và nhận thấy không cần phải cách ly các bị cáo Đ, 2, 1, 4, 5, 8, 7, 3 và 9 ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục và để các bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với các bị cáo phải chịu hình phạt tù được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều phạm tội vì động cơ vụ lợi nên buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền. Riêng đối với bị cáo Hà Văn 6, Lê Quang 3 và Lê Quang 9 có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương

nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếu nan tre là vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 43.000.000 đồng là số tiền dùng vào việc phạm tội. Tất cả vật chứng đều đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang H phạm tội "Đánh bạc" và "Gá bạc".

Các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 3, Hà Văn 6, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 9 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, khoản 1, 3 Điều 322, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang H 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Gá bạc", 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội là 33 (Ba mươi ba) tháng tù, trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạt bổ sung bằng tiền trong tội "Gá bạc" là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng).*

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình Đ 24 (Hai mươi tư) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng).*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng 1: 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng).*

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang 2: 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng).*

Xử phạt: Bị cáo Hà Mạnh 4: 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng).*

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52,

Điều 17, 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn 6: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/01/2019.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế 5: 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng).*

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang 8: 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng).*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn 7: 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang 3: 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang 9: 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 3 và Lê Quang 9 cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Hoằng Hóa để giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 3 và Lê Quang 9 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếu nan tre đang được lưu giữ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng số 46/BBGN ngày 02/5/2019.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 43.000.000 đồng đang lưu giữ trong tài khoản

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ha theo ủy nhiệm chi lập ngày 30/4/2019 do đơn vị chuyển là Công an huyện H tài khoản 3949.0.9013481 đến đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tài khoản 3949.0.1053935.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Quang H, Lê Đình Đ, Lê Quang 2, Nguyễn Đăng 1, Hà Mạnh 4, Nguyễn Thế 5, Lê Quang 8, Nguyễn Văn 7, Lê Quang 3 và Lê Quang 9 Hà Văn 6 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND h.H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
-Chi cục THADS h.H;
-Công an h.H;
- Các bị cáo;
-UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Tú